TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHÂU THÀNH** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: **453**/2020/QĐST-HNGĐ	*Châu Thành, ngày 30 tháng 12 năm 2020*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH BẾN TRE

Căn cứ các Điều 212, 213, 396, 397 Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào Điều 55 Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/ƯBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Căn cứ hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 664/2020/TLST-VDS ngày 18 tháng 12 năm 2020 về việc yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

- Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:
    1. Anh **Phan S**, sinh năm 1982
    2. Chị **Nguyễn Anh T**, sinh năm 1984

Cùng nơi ĐKTT: Số 7, V, phường P, quận T, Thành phố Hồ Chí Minh.

Cùng đăng ký tạm trú tại: Số 26 ấp L, xã G, huyện C, tỉnh Bến Tre.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về hôn nhân: Anh Phan S và chị Nguyễn Anh T tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn vào ngày 31/7/2007 ở Ủy ban nhân dân phường P, huyện Tân Phú, Thành phố Hồ Chí Minh, đây là hôn nhân hợp pháp. Sau một thời gian chung sống thì anh S và chị T phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng về quan điểm sống, tính tình không hợp nhau dẫn đến thường xuyên cãi vã. Nên hôn nhân giữa anh S và chị T đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Nay anh S và chị T cùng xác định tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho ly hôn. Do đó, có căn cứ công nhận thuận tình ly hôn cho anh S và chị T theo quy định tại Điều 55 Luật hôn nhân và gia đình. Anh S và chị T đều không yêu cầu cấp dưỡng giữa vợ chồng sau khi ly hôn nên ghi nhận.

[2] Về con chung: Quá trình hôn nhân anh S và chị T có hai con chung tên Phan Khả L, sinh ngày 11/8/2008 và Phan Trung K, sinh ngày 02/3/2015. Sau khi

ly hôn anh S và chị T thống nhất giao hai con chung cho chị Nguyễn Anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

[3] Về tài sản chung: Anh S và chị T đều khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4] Về nợ chung: Anh S và chị T đều khai không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5] Về lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị T tự nguyện chịu toàn bộ.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Công nhận thuận tình ly hôn giữa anh Phan S và chị Nguyễn Anh T. Quan hệ hôn nhân giữa anh S và chị T chấm dứt kể từ ngày Tòa án ban hành quyết định công nhận thuận tình ly hôn.

Ghi nhận anh S và chị T không yêu cầu về cấp dưỡng giữa vợ và chồng sau khi ly hôn.

- Về con chung: Sau khi ly hôn chị Nguyễn Anh T được quyền trực tiếp nuôi dưỡng hai con chung tên Phan Khả L, sinh ngày 11/8/2008 và Phan Trung K, sinh ngày 02/3/2015. Ghi nhận chị T không yêu cầu anh S cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được quyền cản trở. Trong trường hợp có yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân tổ chức theo quy định của pháp luật Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

- Về tài sản chung và nợ chung: Anh Phan S và chị Nguyễn Anh T đều khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Tòa án không xem xét.

2. Về Lệ phí Tòa án: Lệ phí giải quyết việc dân sự sơ thẩm là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng, chị Nguyễn Anh T tự nguyện chịu toàn bộ nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí mà chị T đã nộp là 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng theo

biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0004764 ngày 10 tháng 12 năm 2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Bến Tre.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- TAND tỉnh Bến Tre;
- VKSND H.Châu Thành;
- Chi cục THADS H.Châu Thành;
- Các đương sự;
- UBND xã Phú Thạnh, huyện Tân Phú TP. Hồ Chí Minh;
- Lưu: Hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

(Đã ký tên và đóng dấu)

Võ Ngọc Cẩm Sơn